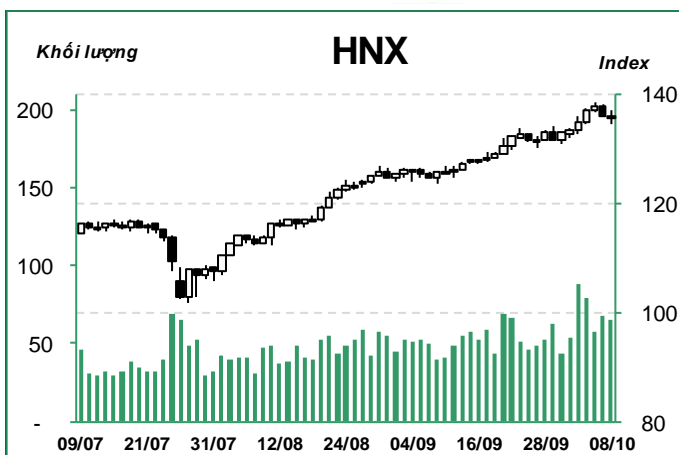
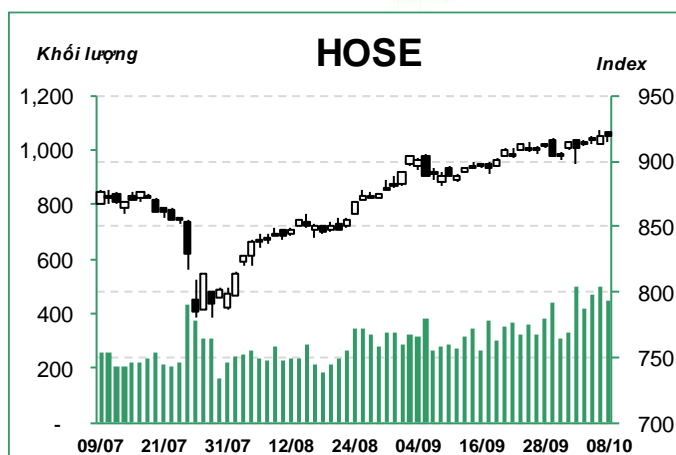


## Tổng quan thị trường

08/10/2020	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>918.84</b>	<b>-0.10%</b>	<b>869.82</b>	<b>-0.12%</b>	<b>135.61</b>	<b>-0.38%</b>
Cuối tuần trước	909.91	0.98%	861.51	0.96%	134.91	0.52%
Trung bình 20 ngày	908.86	1.10%	854.24	1.82%	132.77	2.14%
<b>Tổng KLGD (triệu cp)</b>	<b>470.30</b>	<b>-10.24%</b>	<b>148.31</b>	<b>-10.17%</b>	<b>74.67</b>	<b>6.48%</b>
<b>KLGD khớp lệnh</b>	<b>446.31</b>	<b>-10.07%</b>	<b>139.81</b>	<b>-11.04%</b>	<b>65.78</b>	<b>-3.81%</b>
Trung bình 20 ngày	379.88	17.49%	113.05	23.67%	59.25	11.02%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>7,946.26</b>	<b>-9.54%</b>	<b>3,728.93</b>	<b>-11.10%</b>	<b>951.65</b>	<b>-3.33%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>7,191.26</b>	<b>-8.73%</b>	<b>3,398.34</b>	<b>-13.30%</b>	<b>852.09</b>	<b>-5.82%</b>
Trung bình 20 ngày	6,284.90	14.42%	2,875.03	18.20%	735.55	15.84%
		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>
<b>Số mã tăng</b>	158	33%	9	30%	66	19%
<b>Số mã giảm</b>	253	54%	19	63%	83	23%
<b>Số mã đứng giá</b>	61	13%	2	7%	206	58%



Thị trường có phiên giao dịch điều chỉnh giảm co trong biên độ hẹp. Các chỉ số chịu sức ép giảm điểm trong phiên sáng tuy nhiên đã dần hồi phục trở lại vào phiên chiều và đóng cửa sát mốc tham chiếu. Thanh khoản trên cả 2 sàn vẫn đang duy trì ở mức cao cho thấy dòng tiền vẫn đang hiện diện. Trong khi đó, khối ngoại vẫn đang gây áp lực cho chỉ số khi xả mạnh cổ phiếu trên thị trường.

Trên sàn HoSE, VN-Index đóng cửa gần như đi ngang tại mức 918.84 điểm (-0.10%). Thanh khoản giảm nhẹ với KLGD khớp lệnh đạt 446.3 triệu cổ phiếu (-10.1%), tương đương 7,191 tỷ đồng giá trị (-8.7%). Độ rộng thị trường nghiêng mạnh về bên bán với 253 mã giảm so với 158 mã tăng.

Ở chiều giảm điểm, Vinamilk-VNM (-1.0%), Sabeco-SAB (-1.1%) cùng những mã nhóm ngành ngân hàng như Techcombank-TCB (-2.1%), Vietcombank-VCB (-0.2%), VPBank-VPB (-1.3%) gây áp lực cho chỉ số. Ngược lại, Masan-MSN (+3.2%), Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+3.9%), Hòa Phát-HPG (+1.1%) diễn biến tăng điểm tích cực. Trong khi đó, với nhóm cổ phiếu midcap, các cổ phiếu thuộc ngành phân bón như Đạm Phú Mỹ-DPM (+3.2%), Đạm Cà Mau-DCM (+3.4%), Phân bón Bình Điền-BFC (+3.0%) tăng khá tốt sau khi Bộ Tài chính công bố dự thảo về chính sách thuế giá trị gia tăng để hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp sản xuất phân bón.

Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trên sàn HoSE với giá trị 98.4 tỷ đồng (-43.7%). Với các cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Vinamilk-VNM (-41.3 tỷ), BIDV-BID (-26.4 tỷ), BĐS An Gia-AGG (-24.0 tỷ). Trong khi đó, Hòa Phát-HPG (+60.8 tỷ), MBBank-MBB (+18.3 tỷ), Đạm Phú Mỹ-DPM (+16.5 tỷ) được khối này mua ròng nhiều nhất.

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
PNJ	1,300.0	84.89
HPG	2,290.0	63.74
TCB	2,032.1	47.35
NVL	755.0	46.89
AGG	1,150.0	33.70
VNM	288.3	30.93
HVN	1,073.0	29.06
VNG	2,023.4	28.94
MBB	1,207.2	21.39
SHA	3,615.4	16.81
<b>HNX</b>		
SHB	2,400.0	36.96
VIX	2,674.4	32.90
VCG	310.0	12.09
MPT	2,689.0	4.84
ACB	200.2	4.23
VC3	240.0	3.98
GKM	175.0	2.93
TIG	194.3	1.40
SJE	13.1	0.24

Trên sàn Hà Nội, HNX-Index đóng cửa giảm nhẹ tại mức 135.61 điểm (-0.38%). KLGĐ khớp lệnh đạt 65.8 triệu cổ phiếu (-3.8%), tương đương 852.1 tỷ đồng giá trị (-5.8%).

Trong đó, Ngân hàng Á Châu-ACB (-0.9%), Vicostone-VCS (-1.7%), Khách sạn Đại Dương-OCH (-8.5%) là những cổ phiếu giảm điểm tiêu cực nhất. Ở chiều ngược lại, Vinaconex-VCG (+1.0%), Dầu khí PTSC-PVS (+1.4%) và Hóa chất Lâm Thao-LAS (+10.0%) giúp hỗ trợ chỉ số phục hồi.

Về giao dịch khối ngoại, khối này cũng bán ròng trên sàn HNX, đạt giá trị 1.3 tỷ đồng (-23.5%). Những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Hóa chất Lâm Thao-LAS (-2.6 tỷ), Xây lắp Thành An 96-TA9 (-1.1 tỷ), Ống thép Việt Đức-VGS (-0.5 tỷ). Trái lại, Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+1.8 tỷ), Bến xe Miền Tây-WCS (+1.0 tỷ), Hạ tầng Vĩnh Phúc-IDV (+0.5 tỷ) dẫn đầu ở chiều mua ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index có phiên giảm điểm nhẹ trở lại. Khối lượng giao dịch duy trì trên mức bình quân 10 và 20 phiên hàm ý dòng tiền vẫn ở lại thị trường. Không những vậy, chỉ số vẫn duy trì đóng cửa trên MA5 cùng với chòm MA5, 10, 20 đang duy trì trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng chính vẫn là phục hồi, phiên giảm điểm vừa qua có thể chỉ mang tính rung lắc kỹ thuật. Chỉ số có thể sớm phục hồi trở lại và hướng lên thử thách vùng kháng cự mục tiêu quanh 940 điểm (Fib 127.2). Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến tương tự. Mặc dù, chỉ số có phiên giảm điểm thứ hai liên tiếp nhưng vẫn duy trì đóng cửa trên MA20, cùng với chòm MA5, 10, 20 ở trạng thái phân kỳ dương tích cực, cho thấy xu hướng chính vẫn là phục hồi, phiên giảm điểm có thể chỉ mang tính kỹ thuật, chỉ số có thể sớm phục hồi trở lại và hướng lên thử thách ngưỡng 138.3 (đỉnh 2018). Nhìn chung, thị trường trải qua phiên rung lắc và vẫn giữ được xu hướng phục hồi. Do đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư nên tận dụng các phiên rung lắc kỹ thuật để tái cơ cấu lại danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, dự báo kết quả quý 3 khả quan.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VCF	238.6	0.7	7.0%
DAT	34.4	5.9	7.0%
TCO	10.7	0.6	7.0%
TTF	6.3	7,118.5	7.0%
VAF	8.9	0.0	7.0%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HRC	37.2	22.2	-7.0%
TTE	9.6	0.0	-7.0%
TNC	30.3	0.7	-6.9%
HU1	6.0	0.3	-6.9%
TCR	3.2	5.0	-6.7%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	28.1	508.5	1.1%
TCB	21.4	309.7	-2.1%
MSN	63.9	303.1	3.2%
STB	13.6	290.6	-1.1%
TCH	20.9	248.1	-1.4%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ITA	5.3	29,391.6	0.2%
STB	13.6	21,328.8	-1.1%
HPG	28.1	18,239.7	1.1%
ROS	2.4	16,543.2	-0.8%
FLC	4.0	16,099.6	-4.8%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
LAS	6.6	900.7	10.0%
ACM	1.1	2,535.2	10.0%
PSE	8.8	0.1	10.0%
ADC	17.0	13.7	9.7%
VCC	13.7	0.1	9.6%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
POT	15.3	0.4	-10.0%
SAF	49.5	0.2	-9.8%
LM7	4.1	0.4	-8.9%
OCH	8.6	0.5	-8.5%
FID	1.1	214.9	-8.3%

#### Top 5 giá trị

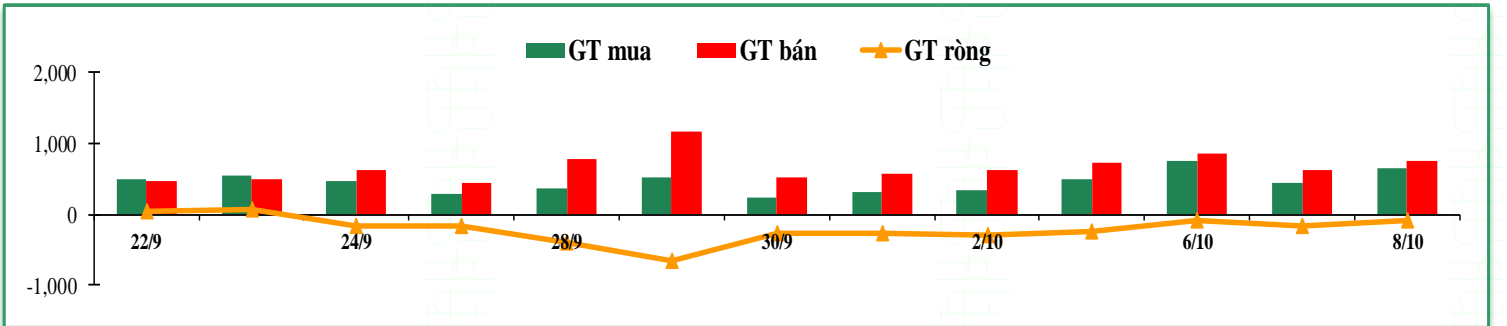
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
ACB	23.2	322.9	-0.9%
PVS	14.2	132.2	1.4%
SHS	12.8	46.9	1.6%
SHB	15.4	36.5	0.0%
NVB	9.4	30.0	0.0%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
ACB	23.2	13,901.8	-0.9%
PVS	14.2	9,325.0	1.4%
HUT	2.9	4,002.5	3.6%
SHS	12.8	3,687.5	1.6%
NVB	9.4	3,208.7	0.0%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	657.8	9.1%	756.2	10.5%	-98.4
HNX	5.4	0.6%	6.6	0.8%	-1.3
<b>Tổng số</b>	<b>663.1</b>		<b>762.8</b>		<b>-99.7</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	28.1	162.4	1.1%
PNJ	62.8	81.1	2.8%
VNM	106.9	60.6	-1.0%
TCB	21.4	43.8	-2.1%
MBB	17.7	41.4	0.3%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VNM	106.9	101.9	-1.0%
HPG	28.1	101.6	1.1%
PNJ	62.8	81.1	2.8%
TCB	21.4	43.8	-2.1%
HSG	15.8	36.2	-0.3%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	28.1	60.8	1.1%
MBB	17.7	18.3	0.3%
DPM	17.6	16.5	3.2%
VCB	84.8	15.8	-0.2%
SSI	17.9	8.7	0.0%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	12.8	2.6	1.6%
WCS	192.5	1.0	-0.8%
IDV	52.7	0.5	-0.2%
INN	30.8	0.2	0.7%
BAX	53.0	0.2	-0.8%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
LAS	6.6	2.6	10.0%
TA9	10.4	1.1	9.5%
SHS	12.8	0.8	1.6%
VGS	7.7	0.5	0.0%
PVS	14.2	0.5	1.4%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
SHS	12.8	1.8	1.6%
WCS	192.5	1.0	-0.8%
IDV	52.7	0.5	-0.2%
INN	30.8	0.2	0.7%
BAX	53.0	0.2	-0.8%

## Tin trong nước

### **Xuất khẩu thủy sản có quý tăng đầu tiên nhưng vẫn chưa thoát được khủng hoảng**

Theo báo cáo mới đây của Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), trong quý III, xuất thủy sản đã tăng 2% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt gần 2,4 tỷ USD sau khi lần lượt giảm 10% và 7% trong quý I và II. Như vậy, lũy kế 9 tháng, xuất khẩu thủy sản ước đạt gần 6 tỷ USD, vẫn thấp hơn 4% so với cùng kỳ.

### **Chỉ có tôm đạt mức xuất khẩu khả quan**

Trong số các sản phẩm xuất khẩu chính, chỉ có tôm đạt mức tăng trưởng khả quan trong 9 tháng, nhất là 6 tháng gần đây.

Theo VASEP, xuất khẩu tôm trong tháng 9 ước đạt 369 triệu USD, tăng 20% và lũy kế tính đến cuối tháng 9 tăng 10%, đạt 2,7 tỷ USD.

Từ quý III, các doanh nghiệp tôm tăng tốc xuất khẩu sang Mỹ, Trung Quốc, Hàn Quốc. Xuất khẩu sang các thị trường khác như Anh, Canada vẫn duy trì tăng trưởng khả quan từ đầu năm đến nay. Duy có thị trường EU bị sụt giảm liên tiếp qua 2 quý, 4% trong quý I và gần 10% trong quý II. Tuy nhiên, xuất khẩu bắt đầu phục hồi 2% từ tháng 7 và tăng mạnh 16% trong tháng 8 sau khi EVFTA có hiệu lực.

Nhờ sự tăng trưởng này, kim ngạch xuất khẩu tôm chiếm tỷ trọng chi phối, hơn 44% giá trị xuất khẩu thủy sản của Việt Nam.

Trong khi đó, xuất khẩu cá tra liên tục sụt giảm dẫn đến việc mặt hàng này chỉ chiếm 17,6% trong tổng giá trị xuất khẩu thủy sản, thay vì 23,6% như cùng kỳ năm trước.

Dịch bùng phát trên toàn thế giới, nhu cầu cá tra sụt giảm mạnh tại các thị trường nhập khẩu chính như Mỹ, EU, Trung Quốc, ASEAN. Trong khi đó, nguồn cung trong nước và lượng tồn kho tăng càng khiến xuất khẩu cá tra khó khăn.

Theo VASEP, trong bối cảnh dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong 3 tháng cuối năm chưa thoát được cơn khủng hoảng suy giảm.

Tuy nhiên, trong bối cảnh này, thủy sản Việt Nam vẫn có cơ hội ở các thị trường. Đối với thị trường Mỹ, Việt Nam vẫn có thể tiếp tục đẩy mạnh xuất khẩu tôm, nhất là tôm chân trắng vì sản phẩm này vẫn tiêu thụ tốt tại phân khúc bán lẻ, đồng thời Việt Nam có thể tăng chế biến và xuất khẩu các sản phẩm có thời hạn bảo quản lâu như cá ngừ và cá biển khác đóng hộp.

Đối với thị trường EU, mặc dù Covid-19 làm giảm nhu cầu và gây khó khăn cho giao thương thủy sản nhưng tôm chân trắng cũng đang có chiều hướng tăng tiêu thụ trên thị trường này. Ngoài ra, các mặt hàng thủy sản như tôm, cá ngừ, mực bạch tuộc và nhuyễn thể được hưởng thuế 0% khi hiệp định EVFTA có hiệu lực sẽ là đòn bẩy để thúc đẩy xuất khẩu sang thị trường EU.

Đối với thị trường Trung Quốc, VASEP dự báo nhu cầu sẽ hồi phục trong những tháng cuối năm khi nguồn cung trong nước của Trung Quốc bị sụt giảm do dịch bệnh.

"Xuất khẩu sang Hàn Quốc và Nhật Bản sẽ vẫn duy trì ổn định, không tăng đột phá nhưng sẽ tăng tốt với mặt hàng tôm trong những tháng tới", báo cáo của VASEP nêu.

Dự báo xuất khẩu thủy sản của Việt Nam 3 tháng cuối năm sẽ đạt khoảng 2,3 tỷ USD, giảm 2% so với cùng kỳ năm ngoái, trong đó tôm tăng 9% đạt 1,1 tỷ USD, cá tra giảm 31% đạt 365 triệu USD, các mặt hàng hải sản đạt khoảng 854 triệu USD, tăng 7,5% với cùng kỳ năm 2019.

Với dự báo trên, xuất khẩu thủy sản của cả nước năm nay sẽ đạt khoảng 8,23 tỷ USD, giảm 4% so với năm 2019, trong đó tôm ước đạt gần 3,7 tỷ USD, cá tra đạt khoảng 1,4 tỷ USD, trong khi xuất khẩu hải sản đạt hơn 3,1 tỷ USD, giảm 3%.

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **Tập đoàn PAN chào mua 15% vốn CTCP Khử trùng Việt Nam**

**The PAN Group vừa công bố thông tin chào mua hơn 4,8 triệu cổ phiếu VFG của CTCP Khử trùng Việt Nam.**

- Số lượng cổ phiếu thực hiện chào mua: 4.813.780 cổ phiếu, tương đương 15% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến sở hữu sau khi thực hiện chào mua: 18.052.841 cổ phiếu, tương ứng với 56,25% tổng số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Khử Trùng Việt Nam.
- Giá chào mua/ *MPO Price*: 50.000 đồng/cổ phiếu / 50.000VND/share
- Nguồn vốn thực hiện đợt chào mua: Sử dụng nguồn vốn tự có và các nguồn vốn hợp pháp khác của công ty.

### **Nhựa Bình Minh lãi 9 tháng tăng 25%, quý IV lo ngại giá nguyên liệu tăng**

Tại cuộc họp trực tuyến với nhà đầu tư chiều 8/10, ông Nguyễn Hoàng Ngân, Tổng giám đốc Nhựa Bình Minh (HoSE: BMP) thông báo doanh thu hợp nhất 9 tháng ước đạt 3.400 tỷ đồng, tăng 7%; sản lượng 80.000 tấn, tăng 5%. Lợi nhuận trước thuế đạt 514 tỷ và lợi nhuận sau thuế 412 tỷ, cùng tăng 25% so với cùng kỳ năm trước. So với kế hoạch năm, doanh nghiệp đã thực hiện khoảng 73% sản lượng 74% doanh thu và 88% lợi nhuận.

Như vậy, riêng quý III, Nhựa Bình Minh ghi nhận doanh thu thuần 1.130 tỷ đồng, tăng 5,7%; lãi sau thuế 153 tỷ đồng, tăng 27,8%.

Tổng giám đốc Nhựa Bình Minh cho biết vào cuối quý II và đầu quý III, giá nguyên liệu rơi đột ngột dù thời gian không dài nhưng cũng giúp đơn vị có lợi nhuận tốt. Chi phí nguyên liệu chiếm đến 65% giá thành nên bất kỳ sự tăng, giảm giá nào cũng có thể ảnh hưởng mạnh đến lợi nhuận.

### **Tập đoàn Bảo Việt chốt quyền trả cổ tức 8% bằng tiền**

Tập đoàn Bảo Việt (HoSE: BVH) thông báo chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền chi trả cổ tức năm tài chính 2019 với tỷ lệ 8% bằng tiền (1 cổ phiếu được nhận 800 đồng). Với 742 triệu cổ phiếu đang lưu hành, số tiền cho ra đợt này là gần 594 tỷ đồng.

Ngày đăng ký cuối cùng vào 21/10 và thời gian thanh toán dự kiến ngày 10/11.

Năm ngoái, Bảo Việt ghi nhận doanh thu 1.562 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1.084 tỷ đồng, tăng hơn 3% so với năm 2018. Với kết quả đó, cổ đông thống nhất mức cổ tức năm 2019 là 8% bằng tiền.

Xây dựng kế hoạch cho năm 2020, doanh nghiệp đề ra mục tiêu tổng doanh thu công ty mẹ là 1.488 tỷ đồng và lãi sau thuế phần đầu ở 1.000 tỷ đồng. Bảo Việt lên kế hoạch chia cổ tức 2020 tối thiểu bằng 50% lợi nhuận sau thuế.

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	FPT	Mua	09/10/20	51.1	51.1	0.0%	56	9.6%	50	-2.2%	Tín hiệu quay lại xu hướng phục hồi

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	VJC	Quan sát mua	09/10/20	104	114	Nhịp điều chỉnh về test MA50 tích cực với nền, vol giảm dần -> cần phiên tăng đóng cửa > 105, vol cao sẽ cho tín hiệu quay lại nhịp tăng
2	DVN	Quan sát mua	09/10/20	13.9	16	Tích lũy ngắn hạn sau phiên giảm mạnh vol cao cho khả năng gom hàng + vol cạn dần gần đây -> cần phiên tăng đóng cửa >= 14.2, vol cao sẽ cho tín hiệu quay lại xu hướng tăng
3	CMG	Quan sát mua	09/10/20	34.6	36.7   40	Nhịp điều chỉnh về test MA50 tích cực với nền, vol giảm dần -> cần phiên tăng đóng cửa > 35, vol cao sẽ cho tín hiệu quay lại nhịp tăng
4	CEO	Quan sát mua	09/10/20	7.5	9.5	Vol tăng gần đây khi đang trong vùng tích lũy ngắn hạn -> kỳ vọng sớm có phiên break 7.7 sẽ có cơ hội tăng ngắn hạn

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	LIX	Nắm giữ	16/09/20	60	56.8	5.6%	68	19.7%	54.9	-3%	
2	MWG	Nắm giữ	17/09/20	109.5	94.6	15.8%	112	18.4%	90	-5%	
3	VNM	Mua	21/09/20	106.9	103.6	3.2%	112.5	9%	101.6	-2%	
4	HPG	Mua	28/09/20	28.1	25.75	9.1%	30	17%	25	-3%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

5	KBC	Mua	29/09/20	14.65	14.3	2.4%	15.8	10%	13.8	-3%
6	KSB	Mua	05/10/20	31	31.1	-0.3%	35	13%	29.8	-4%
7	BMP	Mua	06/10/20	57.1	59	-3.2%	68.16	16%	56.16	-5%

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thông kê giao dịch chứng quyền ngày 08/10/2020						Thông tin chứng quyền							
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CCTD2001	1,540	1,150	23.7 %	-25%	1,238	69	61,100	0	(1,150)	KIS	CTD	80,888	10	16/12/2020
CFPT2003	7,300	11,580	5.3 %	59%	14,660	32	51,100	1,347	(10,233)	SSI	FPT	50,000	1	09/11/2020
CFPT2006	1,500	1,870	4.5 %	25%	4,079	21	51,100	1,590	(280)	HCM	FPT	44,386	4	29/10/2020
CFPT2007	1,690	1,800	9.1 %	7%	7,405	15	51,100	1,531	(269)	MBS	FPT	43,500	5	23/10/2020
CFPT2008	1,500	1,490	7.2 %	-1%	31,535	98	51,100	774		HCM	FPT	48,000	5	14/01/2021
CFPT2009	2,480	2,350	4.4 %	-5%	32,142	71	51,100	1,543	(807)	MBS	FPT	46,800	3	18/12/2020
CHPG2008	4,100	6,860	2.7 %	67%	22,651	53	28,100	676	(6,184)	SSI	HPG	28,000	1	30/11/2020
CHPG2009	1,600	5,930	2.4 %	271%	354	21	28,100	2,820	(3,110)	HCM	HPG	22,500	2	29/10/2020
CHPG2012	6,100	8,790	-3.4 %	44%	8,232	102	28,100	2,200	(6,590)	SSI	HPG	26,500	1	18/01/2021
CHPG2013	6,900	10,720	3.1 %	55%	2,559	54	28,100	4,208	(6,512)	SSI	HPG	24,000	1	01/12/2020
CHPG2014	7,200	9,670	0 %	34%	2,178	193	28,100	3,149	(6,521)	SSI	HPG	26,500	1	19/04/2021
CHPG2015	6,700	9,200	0 %	37%	1,940	144	28,100	2,627	(6,573)	SSI	HPG	26,500	1	01/03/2021
CHPG2016	2,200	4,000	3.1 %	82%	12,737	98	28,100	743	(3,257)	HCM	HPG	27,500	2	14/01/2021
CHPG2019	1,630	2,500	3.3 %	53%	59,419	71	28,100	2,073	(427)	MBS	HPG	24,100	2	18/12/2020
CMBB2003	2,000	2,600	0 %	30%	2,719	32	17,650	76	(2,524)	SSI	MBB	18,000	1	09/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CMBB2005	2,000	690	9.5 %	-66%	2,262	18	17,650	(0)	(690)	VCI	MBB	20,000	1	26/10/2020
CMBB2006	1,100	1,920	-2.5 %	75%	25,781	21	17,650	589	(1,331)	HCM	MBB	16,500	2	29/10/2020
CMBB2007	1,400	2,010	-2.0 %	44%	37,493	98	17,650	523		HCM	MBB	17,000	2	14/01/2021
CMSN2001	2,300	930	19.2 %	-60%	12,473	69	63,900	173	(757)	KIS	MSN	65,789	5	16/12/2020
CMSN2005	2,100	950	28.4 %	-55%	51,299	21	63,900	801	(149)	HCM	MSN	60,000	5	29/10/2020
CMSN2006	1,900	2,060	9.0 %	8%	25,850	98	63,900	1,689		HCM	MSN	56,000	5	14/01/2021
CMSN2008	1,530	2,320	3.1 %	52%	23,759	60	63,900	2,233	(87)	MBS	MSN	53,000	5	07/12/2020
CMWG2006	2,000	520	62.5 %	-74%	2,496	18	109,500	120	(400)	VCI	MWG	110,000	5	26/10/2020
CMWG2007	12,900	23,760	7.7 %	84%	1,592	53	109,500	22,882	(878)	SSI	MWG	87,000	1	30/11/2020
CMWG2008	1,300	2,470	8.3 %	90%	67,064	19	109,500	2,463	(7)	HCM	MWG	85,000	10	27/10/2020
CMWG2009	1,600	3,270	12.8 %	104%	8,498	15	109,500	3,450	180	MBS	MWG	82,000	8	23/10/2020
CMWG2010	1,400	2,980	4.9 %	113%	37,921	98	109,500	2,817		HCM	MWG	82,000	10	14/01/2021
CMWG2011	2,980	4,910	5.6 %	65%	100	71	109,500	4,602	(308)	MBS	MWG	87,000	5	18/12/2020
CMWG2012	4,390	6,480	4.5 %	48%	1,485	123	109,500	6,065	(415)	SSI	MWG	80,000	5	08/02/2021
CNVL2001	2,300	1,800	-9.6 %	-22%	1,033	69	63,000	34	(1,766)	KIS	NVL	65,888	4	16/12/2020
CNVL2002	2,000	2,240	-3.5 %	12%	2	153	63,000	878	(1,362)	KIS	NVL	59,889	5	10/03/2021
CPNJ2003	2,000	150	36.4 %	-93%	4,535	18	62,800	(0)	(150)	VCI	PNJ	75,000	5	26/10/2020
CPNJ2005	1,000	480	23.1 %	-52%	56,491	21	62,800	291	(189)	HCM	PNJ	60,000	10	29/10/2020
CPNJ2006	1,000	920	10.8 %	-8%	36,303	98	62,800	492		HCM	PNJ	59,000	10	14/01/2021
CPNJ2007	1,670	2,300	11.7 %	38%	31,091	43	62,800	1,998	(302)	MBS	PNJ	53,000	5	20/11/2020
CPNJ2008	3,030	3,060	9.3 %	1%	8,952	123	62,800	2,669	(391)	SSI	PNJ	50,000	5	08/02/2021
CREE2003	1,000	2,260	-1.7 %	126%	17,596	21	41,450	2,300	40	HCM	REE	30,000	5	29/10/2020
CREE2004	1,570	4,000	1.3 %	155%	340	15	41,450	3,996	(4)	MBS	REE	29,500	3	23/10/2020
CREE2005	1,300	2,520	0 %	94%	695	98	41,450	2,303		HCM	REE	32,500	4	14/01/2021
CROS2002	1,000	190	5.6 %	-81%	28,766	69	2,400	(0)	(190)	KIS	ROS	7,227	1	16/12/2020
CSBT2001	2,900	640	-8.6 %	-78%	1,501	69	16,350	0	(640)	KIS	SBT	21,111	1	16/12/2020
CSTB2002	1,700	2,260	-8.5 %	33%	14,762	69	13,550	1,736	(524)	KIS	STB	11,888	1	16/12/2020
CSTB2004	1,400	2,840	-5.0 %	103%	14,115	53	13,550	2,598	(242)	SSI	STB	11,000	1	30/11/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CSTB2005	1,080	1,090	2.8 %	1%	9,755	26	13,550	882	(208)	KIS	STB	11,811	2	03/11/2020
CSTB2006	1,500	1,330	-5.0 %	-11%	14,681	179	13,550	702	(628)	KIS	STB	12,888	2	05/04/2021
CSTB2008	1,500	3,550	-5.3 %	137%	8,189	43	13,550	3,386	(164)	MBS	STB	10,200	1	20/11/2020
CSTB2009	1,650	3,200	-7.3 %	94%	9,446	71	13,550	2,714	(486)	MBS	STB	10,900	1	18/12/2020
CTCB2003	2,000	170	0 %	-92%	4,189	18	21,350	(0)	(170)	VCI	TCB	25,000	1	26/10/2020
CTCB2005	3,000	1,210	-18.8 %	-60%	38,140	53	21,350	191	(1,019)	SSI	TCB	22,000	1	30/11/2020
CTCB2006	1,200	1,860	-9.7 %	55%	63,572	21	21,350	1,691	(169)	HCM	TCB	18,000	2	29/10/2020
CTCB2007	1,700	1,490	-12.9 %	-12%	61,304	98	21,350	859		HCM	TCB	20,000	2	14/01/2021
CTCB2008	1,720	1,550	-10.4 %	-10%	13,756	71	21,350	777	(773)	MBS	TCB	20,000	2	18/12/2020
CVHM2001	3,100	880	2.3 %	-72%	1,400	69	76,600	0	(880)	KIS	VHM	94,567	5	16/12/2020
CVHM2002	11,500	4,940	0 %	-57%	5,193	53	76,600	1,453	(3,487)	SSI	VHM	77,000	1	30/11/2020
CVHM2003	1,000	800	-3.6 %	-20%	18,792	21	76,600	672	(128)	HCM	VHM	70,000	10	29/10/2020
CVHM2005	1,400	770	-4.9 %	-45%	64,133	98	76,600	199		HCM	VHM	79,000	10	14/01/2021
CVHM2007	2,900	1,870	-1.6 %	-36%	3,960	123	76,600	943	(927)	SSI	VHM	75,000	5	08/02/2021
CVJC2001	2,400	140	7.7 %	-94%	562	69	104,000	(0)	(140)	KIS	VJC	173,137	10	16/12/2020
CVJC2002	1,900	150	-6.3 %	-92%	9,602	21	104,000	0	(150)	HCM	VJC	116,000	10	29/10/2020
CVJC2005	2,000	1,360	0.7 %	-32%	2,763	123	104,000	656	(704)	SSI	VJC	100,000	10	08/02/2021
CVNM2004	17,500	17,890	-2.1 %	2%	4,023	53	106,900	18	(17,872)	SSI	VNM	118,000	1	30/11/2020
CVNM2005	1,500	2,950	-0.7 %	97%	300	21	106,900	408	(2,542)	HCM	VNM	103,000	10	29/10/2020
CVNM2007	2,400	1,570	-0.6 %	-35%	593	153	106,900	10	(1,560)	KIS	VNM	138,888	10	10/03/2021
CVNM2008	1,800	2,300	-2.1 %	28%	7,390	98	106,900	114		HCM	VNM	114,000	10	14/01/2021
CVNM2009	1,810	2,750	-3.5 %	52%	3,751	60	106,900	222	(2,528)	MBS	VNM	107,000	10	07/12/2020
CVNM2010	2,680	2,710	-0.7 %	1%	2,877	123	106,900	323	(2,387)	SSI	VNM	110,000	10	08/02/2021
CVPB2006	3,400	1,340	-14.7 %	-61%	55,697	53	23,450	328	(1,012)	SSI	VPB	24,000	1	30/11/2020
CVPB2007	1,700	840	-15.2 %	-51%	95,753	21	23,450	497	(343)	HCM	VPB	22,500	2	29/10/2020
CVPB2008	1,800	1,650	-7.3 %	-8%	46,557	98	23,450	978		HCM	VPB	22,000	2	14/01/2021
CVPB2009	1,630	1,960	-12.1 %	20%	13,537	43	23,450	1,661	(299)	MBS	VPB	20,200	2	20/11/2020
CVRE2003	3,000	250	-3.9 %	-92%	21,532	69	27,650	0	(250)	KIS	VRE	37,999	2	16/12/2020

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2005	4,000	1,750	-2.8 %	-56%	1,440	53	27,650	494	(1,256)	SSI	VRE	28,000	1	30/11/2020
CVRE2006	1,100	1,230	0 %	12%	8,034	21	27,650	1,173	(57)	HCM	VRE	23,000	4	29/10/2020
CVRE2007	1,520	490	0 %	-68%	131,939	179	27,650	105	(385)	KIS	VRE	33,333	5	05/04/2021
CVRE2008	1,200	1,000	-2.9 %	-17%	45,560	98	27,650	563		HCM	VRE	26,000	4	14/01/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá mục tiêu*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2020E (tỷ)	EPS 2020E	BV 2020E	ROE 2020E	ROA 2020E	PE 2020E	PB 2020E	Cổ tức dự kiến**
<a href="#">TCM</a> (New)	HOSE	23,750	26,800	07/10/2020	203	3,279	25,319	13%	7.2%	8.2	1.1	-
<a href="#">HBC</a> (New)	HOSE	11,100	10,350	02/10/2020	145	675	17,865	4%	1.0%	15.3	0.6	0%
<a href="#">KBC</a> (New)	HOSE	14,650	17,700	02/10/2020	531	1,131	20,813	5%	3.3%	9.4	0.6	-
<a href="#">ANV</a> (New)	HOSE	19,750	22,200	30/09/2020	249	1,952	19,165	10%	5.7%	11.4	1.2	10%
<a href="#">DXG</a> (New)	HOSE	11,150	14,650	29/09/2020	612	1,345	16,715	7%	2.8%	4.8	0.9	-
<a href="#">ACV</a>	UPCOM	62,900	71,600	29/09/2020	2,208	1,008	14,342	6%	3.8%	71.5	5.0	5%
<a href="#">NLG</a>	HOSE	26,500	32,300	28/09/2020	870	3,555	23,659	14%	8.0%	7.9	1.0	5%
<a href="#">IMP</a>	HOSE	47,700	46,100	21/09/2020	174	2,711	27,620	10%	8.3%	17.0	1.7	20%
<a href="#">CTD</a>	HOSE	61,100	90,400	16/09/2020	824	10,391	113,736	9%	5.0%	8.7	0.8	30%
<a href="#">DBD</a>	HOSE	46,700	39,000	11/09/2020	143	2,733	18,708	15%	8.2%	14.1	2.1	15%
<a href="#">VCB</a>	HOSE	84,800	78,000	07/09/2020	17,662	4,762	26,585	20%	1.5%	16.4	2.9	0%
<a href="#">AST</a>	HOSE	50,300	40,000	07/09/2020	6	133	17,827	1%	0.5%	301.4	2.2	10%
<a href="#">PHR</a>	HOSE	58,100	57,615	04/09/2020	1,180	8,709	22,532	28%	14.1%	6.2	2.3	30%
<a href="#">VRE</a>	HOSE	27,650	39,500	03/09/2020	2,445	1,109	11,914	8%	6.4%	23.3	2.6	-
<a href="#">POW</a>	HOSE	10,500	12,800	01/09/2020	2,655	971	13,557	8%	5.0%	13.2	0.9	0%
<a href="#">MWG</a>	HOSE	109,500	105,600	28/08/2020	3,496	7,717	32,797	24%	7.5%	13.7	3.2	15%
<a href="#">NVL</a>	HOSE	63,000	64,350	28/08/2020	3,547	3,699	25,725	13%	3.8%	20.3	2.1	-
<a href="#">NT2</a>	HOSE	23,600	27,600	27/08/2020	775	2,691	14,445	19%	11.0%	10.3	1.9	25%
<a href="#">SCS</a>	HOSE	122,200	120,000	27/08/2020	403	7,468	20,060	40%	36.9%	16.1	6.0	36%
<a href="#">MSN</a>	HOSE	63,900	62,400	24/08/2020	1,026	877	27,165	2%	0.4%	71.2	2.3	10%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

### © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855 Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn) Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

#### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

#### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

#### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

#### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

#### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

#### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.